

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2021/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## **Điều 2. Quy định chung**

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; tận dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

## **Điều 3. Quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ cụ thể**

### **1. Nội dung chi**

a) Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

b) Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh; chi trang thiết bị phục vụ cơ quan thường trực của Ủy ban bầu cử.

d) Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.

đ) Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

e) Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:



f) Chi phương tiện đi lại, công tác phí; chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu; chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

g) Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

h) Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi làm hòm phiếu bỏ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử; chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; chi trực ngoài giờ làm việc, chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

## **2. Mức chi, thời gian hưởng**

a) Chi tổ chức hội nghị, tập huấn:

Chi tổ chức hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

- Chi cho người chủ trì các cuộc họp:

+ Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

- Chi cho các đại biểu dự họp theo giấy mời:

+ Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Chi cho các đối tượng phục vụ cuộc họp bằng mức 50% chi cho các đại biểu dự họp theo giấy mời.

c) Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Cấp tỉnh:

+ Trưởng đoàn: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lái xe phục vụ đoàn: 70.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện:

+ Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 80.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lái xe phục vụ đoàn: 50.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã:

+ Trưởng đoàn: 70.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức phục vụ đoàn: 30.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 2.200.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp huyện: 1.300.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội:

+ Cấp tỉnh: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản.

+ Cấp huyện: Mức chi từ 70.000 đồng/người/lần đến 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 300.000 đồng/người/văn bản.

+ Cấp xã: Mức chi từ 50.000 đồng/người/lần đến 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 200.000 đồng/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.



+ Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi xây dựng văn bản:

- Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Chi xây dựng các văn bản về bầu cử ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử) mức chi cụ thể như sau:

+ Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản; Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản; Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản;

+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:

Cấp tỉnh: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản;

Cấp huyện: Mức chi từ 70.000 đồng/người/lần đến 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 300.000 đồng/người/văn bản;

Cấp xã: Mức chi từ 50.000 đồng/người/lần đến 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 200.000 đồng/người/văn bản.

e) Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ trong đợt bầu cử:

- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

+ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử huyện: 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện: 1.200.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử xã: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử xã: 500.000 đồng/người/tháng;



- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với Ban chỉ đạo:

+ Cấp tỉnh: Trưởng Ban Chỉ đạo: 2.000.000 đồng/người/tháng; Phó trưởng Ban Chỉ đạo: 1.500.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 1.200.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: Trưởng Ban Chỉ đạo: 1.500.000 đồng/người/tháng; Phó trưởng Ban Chỉ đạo: 800.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: Trưởng Ban chỉ đạo: 800.000 đồng/người/tháng; Phó trưởng Ban chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 200.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này được căn cứ theo Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều ban, tổ thì cũng chỉ được hưởng một mức cao nhất.

- Chi bồi dưỡng 70.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (*Kể cả người chứng kiến kiểm phiếu*); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

- Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử.

- Chi bồi dưỡng cho Tổ bầu cử:

+ Viết danh sách cử tri: 7.000 đồng/tờ;

+ Viết thẻ cử tri và đóng dấu: 300 đồng/thẻ;

- Chi bồi dưỡng trực ngoài giờ làm việc: Thực hiện theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước (*từ nguồn kinh phí bầu cử; Ủy ban bầu cử các cấp có kế hoạch phân công cụ thể để làm cơ sở quyết toán kinh phí*).

f) Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động:

- Chủ tịch, các phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó Ban chỉ đạo Ủy ban bầu cử huyện: 300.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy



ban bầu cử xã; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử xã: 200.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử xã; các thành viên Ủy ban bầu cử xã: 150.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động trên căn cứ theo Quyết định thành lập nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều ban, tổ thì cũng chỉ được hưởng một mức cao nhất.

g) Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

- Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi;

h) Các nội dung chi khác:

Các nội dung chi khác, như: Chi đóng hòm phiếu; chi khắc dấu; chi bảng niêm yết danh sách bầu cử; chi công tác tuyên truyền, in ấn; chi thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử và các khoản chi phát sinh thực tế chưa được quy định về nội dung và mức chi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được phê duyệt.

#### **Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí**

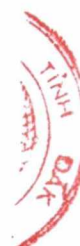
Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối với các nội dung, khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.



**Điều 6.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2021./.

*Nơi nhận:* 

- Như điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, TP;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 150

**CHỦ TỊCH**



**Y Biêr Niê**